

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HNGĐ-ST

Ngày 14-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm
2. Bà Nguyễn Kim Lý;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 448/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1984

Hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã M, huyện U, tỉnh K (có mặt).

- Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1987

Hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã B, huyện C, tỉnh K.

Tạm trú: Nhà trọ K, tổ 16, đường D, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh B (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI D VU ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 26/5/2020, bản tự khai ngày 17/6/2020 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D trình bày:

Bà D và ông T đăng ký kết hôn ngày 15/9/2008 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện U, tỉnh K. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu vợ

chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau. Đến năm 2018 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay. Bà D nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì hôn nhân.

Do đó, bà D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà D yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà D và ông T có 02 con chung là Phạm Văn S, sinh ngày 10/01/2008, Phạm Kim T, sinh ngày 21/9/2014. Bà D yêu cầu được nuôi cháu T và cháu S, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/7/2020 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Phạm Văn T trình bày:

Ông thống nhất với toàn bộ lời trình bày của bà D về việc kết hôn và mâu thuẫn gia đình. Theo ông T, thời gian đầu bà D và ông T chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến khoảng năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, sống chung nhưng vợ chồng không có tiếng nói chung, bà D không biết chăm lo kinh tế cho gia đình nên hay cãi vã nhau, nảy sinh mâu thuẫn hàng ngày. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay và mạnh ai người đó sống.

Nay bà D yêu cầu ly hôn thì ông T không đồng ý ly hôn vì ông T còn thương vợ.

Về con chung: Đồng ý giao cháu Phạm Kim T, sinh ngày 21/9/2014 cho bà D trực tiếp nuôi. Đối với cháu là Phạm Văn S, sinh ngày 10/01/2008 con theo ai thì người đó nuôi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời ông T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới. Bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới.

Kiểm sát viên đại diện VKSND thị xã Bến Cát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định

của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con, bị đơn ông Phạm Văn T tạm trú tại Nhà trọ K, tổ 16, đường D4, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh B. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình D.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn đã có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối bị đơn theo thủ tục chung được quy định tại khoản 1 **Điều 228** Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Bà D và ông T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/9/2008 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện U, tỉnh K. Như vậy, hôn nhân giữa bà D và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà D, quá trình chung sống vợ chồng bà thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính tình nên hay gây gổ, cãi vã nhau. Nay mâu thuẫn hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và không thể hàn gắn được nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T.

Xét thấy, tại Bản tự khai và Biên bản hòa giải cùng ngày 01/7/2020, bị đơn ông T cũng thừa nhận vợ chồng ông thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay và cuộc sống hai bên đều không quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho nhau mà mạnh ai người đó sống.

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn hôn nhân giữa bà D và ông T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên việc bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận. Do đó, xét thấy cần chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông T để sớm ổn định cuộc sống giữa hai bên theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Ông T và bà D đều thống nhất việc giao 02 con chung là Phạm Văn S, sinh ngày 10/01/2008, Phạm Kim T, sinh ngày 21/9/2014 cho bà D trực tiếp nuôi, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai do cháu S tự viết tại Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương thể hiện

cháu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy, cháu S hiện nay đã trên 07 tuổi và nguyện vọng của cháu là hoàn toàn chính đáng, phù hợp. Xem xét đến nguyện vọng và để đảm bảo sự phát triển ổn định về tâm, sinh lý của cháu thì cần giao cháu Sang cho bà D trực tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với cháu Phạm Kim T, sinh ngày 21/9/2014 hiện nay cháu còn nhỏ, vì vậy cần giao cháu Tiên cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà D không yêu cầu ông T không phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà D phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ **khoản 1 Điều 228**; Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D đối với bị đơn ông Phạm Văn T về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim D được ly hôn với ông Phạm Văn T.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Phạm Văn S, sinh ngày 10/01/2008 và Phạm Kim T, sinh ngày 21/9/2014 cho bà D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Phạm Văn T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà D không yêu cầu.

Ông T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung. Không ai được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau này nếu có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim D phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0047601 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Bà D đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đậu Thị Thảo

